

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 212/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-8-2023
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diễm thúy.
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 1. Bà Phan Thị Nga;
 2. Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Anh Tuấn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 407/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 356/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 491/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966; địa chỉ: khóm A, thị trấn H, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Ông Ngũ Văn B, sinh năm 1964; địa chỉ: khóm A, thị trấn H, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày, bà N và ông Ngũ Văn B chung sống với nhau vào năm 1992, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, bà N, ông B chung sống tại khóm A, thị trấn H, huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng có sinh được hai con

chung tên Nguyễn Thanh **D**, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị Hồng **T**, sinh năm 2004. Hiện tại, các con chung đã thành niên.

Bà N và ông B chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, phát sinh bạo lực gia đình. Mâu thuẫn gia đình không có báo với chính quyền địa phương, chỉ nội bộ gia đình biết. Bà N và ông B không còn sống chung từ tháng 10/2022 cho đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông B; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với các con chung do đã thành niên có khả năng lao động; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện bao gồm: Giấy khai sinh số 251, quyển số 02, ngày 08/7/2009 do Ủy ban nhân dân xã Hội An, huyện Chợ Mới cấp đối với Nguyễn Thị Hồng **T** (bản sao) và Giấy khai sinh số 307, ngày 09/10/2000 do Ủy ban nhân dân xã Hội An, huyện Chợ Mới cấp đối với Nguyễn Thanh **D** (bản sao).

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ngũ Văn B trình bày, thống nhất với lời khai của bà N về thời điểm tổ chức lễ cưới, chung sống, việc không đăng ký kết hôn, con chung, thời gian, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nơi chung sống của vợ chồng trong thời gian sống chung. Do còn thương vợ, thương con nên ông B không đồng ý ly hôn với bà N; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về con chung do đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà N và ông B kết hôn vào năm 1992, không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà N, ông B không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà N, ông B là vợ chồng theo Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung, do các con chung đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, 53, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận bà N, ông B là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Ngũ Văn **B**. Đồng thời, ông B cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị N, ông Ngũ Văn B cùng khai thống nhất, bà N và ông B chung sống với nhau vào năm 1992, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đồng thời, trong thời gian chung sống, bà N và ông B chung sống tại khóm A, thị trấn H, huyện C, tỉnh An Giang.

Theo Công văn số 09/UBND-HT ngày 03/7/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn Hội An, huyện Chợ Mới, qua tra cứu sổ hộ tịch được lưu giữ tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hội An, huyện Chợ Mới, từ năm 1984 cho đến nay, không có thông tin đăng ký kết hôn của bà N và ông B.

Xét, bà N và ông B chung sống với nhau vào năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy, không công nhận bà N và ông B là vợ chồng theo khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà N, ông B xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Nguyễn Thanh **D**, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị Hồng **T**, sinh năm 2004. Các con chung đã thành niên, có khả năng lao động, nuôi sống bản thân.

Xét thấy, các con chung của bà N, ông B đã thành niên, có khả năng lao động, nuôi sống bản thân và bà N, ông B không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Cho nên, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N, ông B xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông B không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị N và ông Ngũ Văn B là vợ chồng.

2. Về con chung: Do các cháu Nguyễn Thanh **D**, Nguyễn Thị Hồng **T** đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không đề cập giải quyết việc nuôi dưỡng các cháu Nguyễn Thanh **D**, Nguyễn Thị Hồng **T**.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2022/0013724 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 06 tháng 6 năm 2023; bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí.

Ông Ngũ Văn B không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị N, ông Ngũ Văn B có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- UBND tt Hội An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA